

TIÊU CHUẨN NGÀNH

10TCN 329:1998

PHƯƠNG PHÁP THU THẬP, BẢO QUẢN

TẬP ĐOÀN GIỐNG DÂU¹

1. Phạm vi áp dụng:

Qui định này đưa ra một số hướng dẫn chung cho việc thực hiện công tác thu thập, bảo quản các giống dâu trong tập đoàn giống.

2. Nội dung công tác thu thập bảo quản, giống dâu

2.1. Thu thập giống:

2.1.1. Đối tượng thu thập là các giống dâu hoang dại, giống dâu địa phương, dâu mới lai tạo đã được Nhà nước công nhận và giống nhập nội. Các giống phải có lý lịch giống theo phụ lục 1.

2.1.2. Đối với các giống dâu trước khi thu nhập cần kiểm tra một số đặc trưng chủ yếu của giống qua các mùa xuân, hè, thu. Phụ lục số 2.

2.1.3. Hom, cành dâu được thu thập ở những ruộng dâu, cây dâu không có sâu bệnh.

2.1.4. Mỗi giống dâu cần thu 30 hom đạt tiêu chuẩn theo qui định 10 TCN188-88.

2.1.5. Hom dâu cần thu thập vào thời kỳ trước hoặc sau đông chí 5 ngày.

2.1.6. Hom dâu cần phải bảo quản để tươi. Các giống dâu nhập nội cần cắt thành từng đoạn dài 50-60cm, mặt cắt phía gốc và phía ngọn của cành cần phủ Paraphin.

2.1.7. Đối với các giống dâu khó ra rễ thì áp dụng phương pháp chiết, ghép cành hoặc nuôi cấy mô.

2.1.8. Từng giống dâu phải đánh số thứ tự, ghi tên giống, tên địa điểm và điều kiện sinh thái ở nơi thu thập. Phụ lục số 1.

2.1.9. Sau khi đã thu thập cần phải chỉnh lý các giống để tránh tình trạng đồng dạng dị danh hoặc đồng danh dị dạng.

2.2. Bảo quản giống:

2.2.1. Đất để trồng tập đoàn dâu cần phải chọn loại đất thích hợp cho cây dâu và tiện lợi cho công tác bảo vệ.

2.2.2. Các giống dâu nhập nội ngoài việc trồng ở vườn tập đoàn cần phải trồng thêm ở nơi có điều kiện sinh thái tương tự với nơi nguyên sản của giống.

2.2.3. Vườn tập đoàn được thiết kế theo từng băng, mỗi băng rộng 5m, giữa các băng chừa lại 1m. Xung quanh vườn có 2 hàng dâu bảo vệ.

2.2.4. Trên các băng sắp xếp trồng các giống dâu có cùng nguồn gốc địa lý, cùng thời gian sinh trưởng.

2.2.5. Mỗi giống trồng 10 cây mật độ 2m x 0,5m.

2.2.6. Vườn tập đoàn cần đủ diện tích để trồng các giống thu thập tiếp sau.

2.2.7. Sau khi cây đã được 1 năm thì tiến hành đốn tạo hình. Khi cây dâu đã ổn định tạo hình thì hàng năm chỉ đốn 1 lần vào mùa đông và theo dõi các chỉ tiêu theo phụ lục 3.

2.2.8. Khi cây dâu có triệu chứng già cỗi thì đốn trẻ lại.

¹ Ban hành kèm theo quyết định số 56/1998/QĐ/BNN-KHCN ngày 14 tháng 4 năm 1998 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2.2.9. Chế độ chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh phải được đảm bảo nghiêm túc để giống không bị thoái hoá và mất. Lượng phân hữu cơ bón cho mỗi hecta là 30 tấn. Phân vô cơ bón theo tỷ lệ 3:1:1 = N:P:K.

2.2.10. Nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô:

Đối với giống dâu quí do số lượng hom thu được quá ít và khả năng ra rễ của giống kém thì sử dụng phương pháp nuôi cấy mô để nhân giống. Sau đó tiếp tục theo dõi các đặc tính, đặc trưng.

2.2.11. Đối với những giống do bị nhiễm bệnh virus quá nặng cần phải có văn bản xin huỷ bỏ giống.

PHỤ LỤC 1

LÝ LỊCH GIỐNG

Số đăng ký

Số

Tên giống thường gọi:.....

Nguồn gốc: Địa phương lai tạo, nhập nội

Thu nhập tại: Xã.....Huyện.....Tỉnh.....

Nhập nội từ nước:.....

NgàyTháng.....Năm.....Thu nhập

Điều kiện sinh thái nơi nguyên sản.

Giống mới lai tạo được hình thành từ:.....

PHỤ LỤC 2

ĐIỀU TRA MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CHỦ YẾU CỦA GIỐNG

TT	Mục điều tra	Nội dung điều tra
1	Thế của cây:	Thẳng, ngã
2	Cành:	
	Số cành chính	Loại nhiều trên 6 cành, trung bình 4-6 cành, ít dưới 4 cành
	Độ to của cành	Loại cành to đường kính cành cấp 1 trên 2 cm, trung bình 1,5 -2 cm, nhỏ dưới 1,5 cm
	Màu sắc cành	Cà phê nhạt, tím, tro
	Đặc trưng khác	
3	Mầm đông:	
	Hình dạng mầm	Tam giác cân, tam giác đều
	Độ bám vào cành	Sát cành, tách rời
	Đỉnh mầm	Thẳng, cong
	Màu sắc mầm	
	Đặc trưng khác	

4	Lá:	
	Hình dạng lá	Bầu dài, bầu tròn, tim, trứng
	Hình thái lá	Lá nguyên, lá xẻ, xẻ 2 khía, nhiều khía
	Màu sắc lá	Xanh đậm, xanh nhạt
	Mặt lá	Nhấp, bóng
	Đáy của lá	Lồi, bằng, tù, lõm
	Đầu lá	Nhọn, bằng, tù, lõm
	Độ cứng của lá ở vụ thu	Sớm, muộn
	Đặc trưng khác	
5	Hoa:	
	Hoa tính	Cái, đực, lưỡng tính
	Số lượng hoa	Nhiều trên 5 hoa/mầm; trung bình 4-5 hoa; ít dưới 4 hoa
	Màu sắc quả khi chín	Tím, hồng, trắng
	Đặc trưng khác	

PHỤ LỤC 3

ĐIỀU TRA MỘT SỐ ĐẶC TÍNH CHỦ YẾU CỦA GIỐNG

I. Đặc tính sinh vật học:

- Thời kỳ nảy mầm của giống .
- Thời kỳ ra hoa bao gồm:
 - ☐ Bắt đầu ra hoa
 - ☐ Ra hoa rộ 50% hoa nở.
 - ☐ Hoa tàn 70% hoa tàn.
- Thời kỳ quả chín.
- Thời kỳ ngừng sinh trưởng. Khi có 70% số cành trở lên có đặc điểm sinh trưởng dừng.

II. Đặc tính kinh tế:

- Tỷ lệ nảy mầm.
- Tỷ lệ mầm phát triển.
- Số lá trên mầm .
- Số cành.
- Thể sinh trưởng của cây.
- Tính đề kháng với sâu bệnh và điều kiện ngoại cảnh bất lợi:
 - + Tính đề kháng với:
 - Bệnh mờ gà, *Septobasidium bogoriense*.
 - Bệnh bạc thau, *Phyllactiria moricola* San.
 - Bệnh rỉ sắt, *Aecidium mori* (Barct) Syd. et. Batler.

Bệnh vi khuẩn, *pseudo monas mori*.

+ Tính chịu hạn, úng, mặn, sương muối.

- Đường kính thân.

- Chiều dài cành, đốt.

- Kích thước và trọng lượng lá.

- Số lá và trọng lượng lá trên mét cành.

- Sản lượng lá.

Tailieu.vn